TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/DS-ST.
Ngày: 09 - 5 - 2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà :* Bà Ngô Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Trung Kiên

- Bà Nguyễn Thị Nga.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Chị Đinh Thị T - Sinh năm: 1975; Có mặt.

- Anh Lê Hồng K - sinh năm 1969.

Đều trú tại: Phố M, xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Lê Hồng K là chị Đinh Thị T (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Trịnh Quốc Tuấn; Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

Có mặt.

2. *Bị đơn*: - Chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G.

Đều trú tại: Thôn M, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và tại bản tự khai ngày 15/01/2019, nguyên đơn là chị Đinh Thị T trình bày: Ngày 05/8/2017, chị Phạm Thị L và chồng là anh Vũ Trường G có vay chị chị Đinh Thị T, anh Lê Hồng K số tiền là 80.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận bằng lời nói, chị L và anh G hẹn đến ngày 05/9/2017 sẽ trả cho toàn bộ số tiền gốc và lãi. Quá hạn trả nợ, chị đã nhiều lần đến yêu cầu chị L và anh G trả tiền, nhưng chị L và anh G cứ khất lần không chịu trả. Nay chị yêu cầu chị L và anh G phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/8/2017 đến ngày 01/12/2018 là 18 tháng, với lãi suất là 1,6%/01 tháng, tương ứng với số tiền lãi là 23.040.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phát sinh, chị yêu cầu chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải trả là 103.040.000 đồng (*Một trăm linh ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại bản tự khai ngày 19/3/2019, bị đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Ngày 05/8/2017, chị và chồng là anh Vũ Trường G có vay chị Đinh Thị T số tiền là 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Trong thời gian vay, vì điều kiện gia đình khó khăn nên không trả được tiền gốc, nhưng vẫn trả lãi hàng tháng. Do chị T nói là "Không cần viết giấy lại, cứ để vậy trả lãi" nên lãi suất không ghi trong giấy vay, nhưng thực tế chị đã trả cho chị T là 7,5%/01 tháng tương ứng với số tiền lãi là 6.000.000 đồng/01 tháng cho đến tháng 10/2018. Sau đó vì điều kiện gia đình khó khăn nên cho đến nay vợ chồng chị không trả tiền lãi cho chị T, anh K được nữa. Nay vợ chồng chị đồng ý trả cho chị T số tiền gốc là 80.000.000 đồng và đề nghị chị T cho chị được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 4/2019 cho đến khi trả hết số nợ gốc. Đối với số tiền lãi chị L không đồng ý trả thêm cho chị T nữa.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ số tiền gốc. Số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, chị T và anh K đề nghị tính lãi suất của khoản tiền vay trên từ ngày 06/9/2017 cho đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G vay của chị Đinh Thị T số tiền 80.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng chị L và anh G không trả nên chị T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng chị L và anh G phải trả số tiền vay là 80.000.000 đồng và số tiền lã phát sinh là 23.040.000 đồng.

Chị L và anh G đều có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh G đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh G không đến Tòa án nên Tòa án không có lời khai của anh G. Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng vợ chồng chị L và anh G không đến Tòa án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho vợ chồng chị Lvà anh G theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị L và anh G đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên hoà giải hai lần, nhưng đều không có mặt tại Tòa án để tham gia hoà giải. Do đó Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, do chị L và anh G vắng mặt lần hai; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G.

[2] Về áp dụng điều luật: Giao dịch dân sự giữa chị Đinh Thị T, anh Lê Hồng K và vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G được thực hiện xong khi bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung:

- Đối với yêu cầu trả nợ số tiền gốc: Tại giấy vay tiền do chị Đinh Thị T xuất trình thể hiện, ngày 05/8/2017 chị Đinh Thị T, anh Lê Hồng K có cho vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G vay số tiền là 80.000.000 đồng, tại cửa hiệu cầm đồ TK; không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay đến ngày 05/9/2017, có chữ ký của chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G. Chị Phạm Thị L cũng thừa nhận vợ chồng chị có vay anh K, chị T số tiền gốc là 80.000.000đồng. Như vậy đủ cơ sở xác định: Vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G vay chị ĐinhThị T và anh Lê Hồng K số tiền 80.000.000 đồng. Do vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, nên buộc vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G phải có trách nhiệm trả nợ cho chị ĐinhThị T, anh Lê Hồng K số tiền gốc là 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lãi suất: Trong giấy vay tiền thể hiện hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Chị T cũng xác nhận chị T, anh K cho chị L, anh G vay tiền không tính lãi suất. Chị Phạm Thị L cho rằng vợ chồng chị L, anh G đã trả tiền lãi cho chị

T, anh K với mức lãi suất 7,5%/01 tháng tương ứng với số tiền lãi là 6.000.000 đồng/01 tháng và trả lãi đến tháng 10/2018 nhưng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G không xuất trình chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả lãi cho chị T anh K nên xác định hợp vay tài sản thuộc trường hợp không có lãi suất. Chị T, anh K yêu cầu chị L và anh G phải trả số tiền lãi quá hạn tính từ tháng từ ngày 06/9/2017 đến thời điểm xét xử (ngày 09/5/2019) theo mức lãi suất pháp luật quy định. Xét thấy yêu cầu của chị Đinh Thị T và anh Lê Hồng K về lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vì vậy được chấp nhận. Lãi suất quá hạn được tính như sau:

80.000.000đồng x 20 tháng 3 ngày x 0,83%/ tháng = 13.346.000đồng

- Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất được chấp nhận là: 93.346.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, anh Lê Hồng K được chấp nhận toàn bộ nên chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 93.346.000đ x 5% = 4.667.000 đồng.

Trả lại cho chị Đinh Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T và anh Lê Hồng K.

2. Buộc chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải trả cho chị Đinh Thị T và anh Lê Hồng K số tiền gốc là 80.000.000đồng và số tiền lãi quá hạn là 13.346.000đ, Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là: 93.346.000đ (*Chín mươi ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tơng ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải nộp 4.667.000đồng (*Bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho chị Đinh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.576.000đ (*Hai triệu năm trăm bảy sáu nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002260 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Đinh Thị T, anh Lê Hồng K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Tuyết